

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Yên Văn Bình và ông Đặng Thái Dìn

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa: Số 13/2019/QĐST ngày 15/10/2019, số 16/2019/QĐST ngày 01/11/2019 và số 17/2019/QĐST ngày 19/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H sinh năm 1984 .

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, Thanh Hóa.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng Ch sinh năm 1981

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, Thanh Hóa.

vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Hồng Ch kết hôn với nhau ngày 09/11/2006 . Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng với gia đình chồng một thời

gian, đến cuối năm 2007 thì ở riêng. Mâu thuẫn xảy ra, sau khi chị sinh con đầu được 02 tháng thì anh Ch đã đánh chị, nghĩ thương con nên chị bỏ qua. Nhưng anh Ch không thay đổi, không chăm lo cho công việc để nuôi con. Anh còn chơi bời, rượu chè, cờ bạc, chị khuyên ngăn thì bị đánh đập. Đến năm 2015, chị đi làm ăn xa ở Bình Dương, chị gửi tiền về nhưng anh không lo cho gia đình con cái. Chị không chịu đựng thêm được nữa, chị đã viết đơn gửi Tòa án vào tháng 12/2018. Nhưng vì điều kiện công việc và để có thêm thời gian suy nghĩ nên chưa yêu cầu Tòa thụ lý. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa, đã sống ly thân từ tháng 12/2018. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

Bị đơn anh Phạm Hồng Ch trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H như chị H trình bày ở trên là đúng thực tế. Trong cuộc sống vợ chồng trước đây cũng có một số mâu thuẫn nhỏ do chị H đi làm ăn xa, ngoại tình với người khác. Đã nhiều lần anh can ngăn nhưng chị H không chấm dứt và ngày càng lấn sâu hơn. Thời gian gần đây, anh bắt gặp và có hình ảnh cụ thể, anh cũng tha thứ nhưng chị H không nghe và làm đơn xin ly hôn. Anh đồng ý ly hôn theo ý của chị H.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung Phạm H H sinh ngày 10/3/2007 và Phạm Chí C sinh ngày 11/3/2012. Chị H và anh Ch thống nhất giao cả 02 con cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng không thống nhất với nhau về cấp dưỡng nuôi con. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Ch: Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã làm các thủ tục thông báo cho anh nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản, nhưng anh không thực hiện. Sau đó, anh đã có đơn đề nghị không yêu cầu chia tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh Ch đã thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27, điểm a và điểm đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Phạm Hồng Ch.

Về con chung: Giao cháu Phạm H H sinh ngày 10/3/2007 và Phạm Chí C sinh ngày 11/3/2012 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị H và anh Ch thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Hồng Ch trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị H khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Ch đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh Ch không chăm lo công việc để nuôi con. Anh còn chơi bời, rượu chè, cờ bạc, chị khuyên ngăn thì bị đánh đập. Theo anh Ch, mâu thuẫn gia đình là do chị H đi làm ăn xa rồi ngoại tình với người đàn ông khác. Nay chị xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H ly hôn anh Ch.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung: Phạm H H sinh ngày 10/3/2007 và Phạm Chí C sinh ngày 11/3/2012. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất giao cả 02 con cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên sự thỏa thuận trên. Hiện nay các con đang ở với anh Ch và có nguyện vọng ở với anh Ch. Anh Ch yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/tháng. Chị và anh đã thống nhất sau đó chị xin thay đổi vì hiện nay chị không có việc làm ổn định nên mức cấp dưỡng trên là cao, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh trình bày thu nhập của chị H từ 7-9 triệu đồng/tháng, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ nên không có cơ sở xem xét.

Do đó Hội đồng xét xử, căn cứ khả năng thực tế của chị H để xác định mức cấp dưỡng cho phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho con. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với anh Ch cho mỗi cháu 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp.

[5] Về tài sản: Chị H và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 116 và Điều 117 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 5 điều 27, điểm a và điểm đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: Phạm H H sinh ngày 10/3/2007 và Phạm Chí C sinh ngày 11/3/2012. Giao cả 02 cháu H và C cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi thành niên, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ch mỗi cháu 1.000.000đ/tháng theo định kỳ hàng tháng, thời gian thi hành kể khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Hồng Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006081, ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H còn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thuỷ.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thuỷ.
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

